

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (52 -)/DA23DT

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

1211
ĐH 1.113 (19^h30)
Hình thức đánh giá: Trau nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....12.....01.....2024
Phòng thi: D71.113.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115223002	Nguyễn Chí Tâm	04/09/2005	Nam	7.0	4.5	5.8	001			
2	115223003	Lý Thế Chiêu	18/09/2005	Nam	5.0	4.3	4.7	002			
3	115223004	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	27/06/2005	Nữ	9.0	6.3	7.7	003			
4	115223006	Nguyễn Minh Kha	05/04/2004	Nam	7.0	4.0	5.5	004			
5	115223007	Trần Văn Phi	29/06/2005	Nam	5.0	5.0	5.0	005			
6	115223009	Thạch Long Thuận	19/01/2004	Nam	9.0	4.5	6.8	006			
7	115223010	Nguyễn Lê Hoàn Tiến	19/12/2005	Nam	9.5	4.5	7.0	007			
8	115223011	Lương Hữu Văn	20/10/2005	Nam	9.5	5.5	7.5	008			9.5
9	115223012	Lương Nguyễn Như Ý	13/02/2005	Nữ	9.0	3.8	6.4	009			9.0
10	115223013	Huỳnh Lê Đức Trường	22/07/2005	Nam	5.0	5.5	5.3	010			5.0
11	115223014	Lê Minh Khải	10/09/2002	Nam	7.5	5.0	6.3	011			7.5
12	115223015	Lê Thị Mỹ Phượng	04/08/2004	Nữ	6.0	5.0	5.5	012			6.0
13	115223016	Nguyễn Đăng Khoa	15/11/2005	Nam	7.0	5.3	6.2	013			
14	115223017	Nguyễn Hoài Bảo	15/07/2004	Nam	7.5	4.3	5.9	014			7.5
15	115223018	Phạm Khắc Lữ	14/11/2005	Nam	9.0	3.8	6.4	017			9.0
16	115223019	Phan Minh Khiêm	01/07/2005	Nam	7.0	2.8	4.9	018			7.0
17	115223020	Trương Thị Mỹ Kiều	30/10/2005	Nữ	9.0	3.8	6.4	015			
18	115223021	Trương Thị Thảo Ngân	01/06/2005	Nữ	7.0	3.8	5.4	016			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18.

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18.

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 1.

Tổng số tờ: 1.

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Đình Tuấn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Đình Uyển

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (52 -)/DA23HD

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12 / 01 / 2024

Phòng thi: D7.1.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112623001	Khấu Trung Quân	31/03/2005	Nam	8,5	4,0	6,3	004	Quân		
2	112623002	Đặng Thị Thanh Thùy	29/09/2005	Nữ	8,0	3,0	5,5	005	thanh		
3	112623005	Nguyễn Yến Vy	07/09/2005	Nữ	9,5	4,0	6,8	006	vy		
4	118823007	Phan Thị Nguyệt	14/05/2005	Nữ	9,5	3,8	6,7	001	Phan		
5	118823008	Nguyễn Ngân Tâm	15/07/2005	Nữ	8,0	3,0	5,5	002	Tâm		
6	118823010	Nguyễn Thị Hải Yến	22/01/2005	Nữ	10,0	5,5	7,8	003	Hải Yến		
7	118823013	Đặng Thị Trúc Mai	16/04/2005	Nữ	8,0	—	—	—	Trúc		
8	118823014	Nguyễn Quốc Anh	20/08/2005	Nam	9,5	4,5	7,0	018	Anh		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ: —

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Luân Cao Dương Phụng Lưu

Cán bộ coi thi 2: —

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (52 -)/DA23NNK

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: TN Ca 2

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
12/01/2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114823002	Thạch Thị Ngọc Dung	09/10/2002	Nữ	9,0	4,0	6,5	007			
2	114823003	Thạch Hào	16/10/2003	Nam	9,5	4,8	7,2	008			
3	114823004	Thạch Thị Lộc	07/12/2005	Nữ	9,0	2,5	5,8	009			
4	114823006	Neáng Lắc Khi Na	27/11/2005	Nữ	7,0	5,3	6,2	010			
5	114823011	Neáng Sóc Phia	01/12/2005	Nữ	8,0	4,3	6,2	011			
6	114823014	Nèang Khách Skhiêm	25/04/2005	Nữ	7,0	6,0	6,5	012			
7	114823015	Dương Thị Thanh Thảo	20/01/2005	Nữ	5,5	4,8	5,2	013			
8	114823016	Thạch Thị Thanh Thủy	13/06/2005	Nữ	—	—	—	—	—		
9	114823018	Trần Thị Kim Tiền	14/02/1997	Nữ	8,5	4,8	6,7	015			
10	114823021	Thạch Thị Hồng Xuyên	19/03/2005	Nữ	7,5	3,3	5,4	016			
11	114823023	Huỳnh Khoa Quân	10/01/1998	Nam	—	—	—	—	—		
12	114823024	Kim Thị Cẩm Linh	20/04/2000	Nữ	5,0	6,0	5,5	019			
13	114823025	Kim Thị Thia Ni	20/08/2005	Nữ	5,0	6,8	5,9	020			
14	114823026	Lý Thị Kim Như	23/07/2005	Nữ	8,0	4,8	6,4	022			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 14

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 12

Tổng số tờ: —

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2: —

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: —

Nguyễn Thị Lành